TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HS-ST
Ngày 07-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hứa Phận

Ông Ngô Hoàng Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Sơn Hà – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành Hay - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Võ Văn T, sinh ngày 01/01/1981 tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn S và bà Đặng Thị M; có vợ Triệu Thị Phương L (đã ly hôn) và 05 người con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2015; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/7/2024 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Trần Văn B, sinh ngày 01/01/1987 tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Phú H và bà Đặng Thị Ánh H1; có vợ Trần Thị Hồng T1 và 02 người con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/11/2024 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:* Ông Quách Chí H2, sinh năm 1959 (đã chết).

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại ông Quách Chí H2:*

1. Bà Đặng Thị Ứ, sinh năm 1959 (vợ ông H2 – vắng mặt).

2. Ông Quách Chí C, sinh năm 1980 (con ông H2 – có mặt).

3. Ông Quách Chí N, sinh năm 1982 (con ông H2 – vắng mặt).

4. Bà Quách Thị T2, sinh năm 1984 (con ông H2 – vắng mặt).

5. Ông Quách Chí T3, sinh năm 1988 (con ông H2 – vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của bà Ứ, ông N, bà T2, ông T3: Ông Quách Chí C, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Trịnh Thu H3, sinh năm 1966 (vắng mặt).

2. Bà Trần Ánh N1, sinh năm 1960 (vắng mặt).

3. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

4. Ông Võ Thanh N2, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

5. Ông Trần Hoàng E, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

6. Bà Bành Thị K, sinh năm 1984 (vắng mặt).

7. Ông Nguyễn Phi X, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Võ Văn T là người làm thuê (lái xe tự chế chở đất) cho bị cáo Trần Văn B. Vào khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 13/4/2024 B có giao xe tự chế (loại xe 04 bánh, có thùng chở hàng phía sau) cho T tại kho vật liệu xây dựng của B, địa chỉ: ấp B, TT. H, huyện T, B kêu T điều khiển xe tự chế đi đến nhà ông Trần Văn Đ, sinh năm 1981, cư trú ấp A, xã C, huyện T để chở đất thuê cho ông Đ. Khi đến nhà ông Đ thì do máy cuốc đất bị hư hỏng không cuốc đất lên xe được nên T điều khiển xe tự chế về kho vật liệu xây dựng của ông B.

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 13/4/2024 T điều khiển xe tự chế lưu thông trên tuyến đường huyện F, theo hướng từ xã M, thị xã N đi xã C, huyện T, khi đi vừa lên đến dốc cầu H, thuộc địa phận ấp A, xã C, huyện T thì T phát hiện có ô tô tải mang biển số 83C – 106.97 do ông Nguyễn Phi X, sinh ngày 01/01/1979, cư trú

ấp C, xã M, thị xã N điều khiển theo chiều ngược lại, do kích thước cầu H nhỏ, không đủ để 02 xe vượt qua nhau nên T dừng xe và chuyển từ số tiến sang số lùi để lùi xe xuống dốc cầu. Do xe tự chế không có đèn và còi báo hiệu, kính chiếu hậu không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật nên T không quan sát được phía sau đuôi xe, không nhìn thấy xe mô tô 83P1 – 143.53 do bị hại Quách Chí H2, sinh ngày 01/01/1959, cư trú ấp A, xã C, huyện T điều khiển, dẫn đến khi lùi xe phần đuôi xe tự chế đã va chạm vào xe mô tô 83P1 – 143.53 do ông H2 điều khiển, làm ông H2 và xe mô tô 83P1 – 143.53 ngã xuống mặt đường, phần bánh sau bên trái xe tự chế cán qua người ông H2 và xe mô tô làm ông H2 và xe mô tô bị đẩy lùi về phía sau, T nhìn ra phía sau thì phát hiện đã va chạm với xe ông H2 nên dừng xe lại xuống đỡ ông H2 vào nhà người dân, sau đó ông H2 được mọi người đưa đi cấp cứu tại Trung tâm Y tế huyện T nhưng ông H2 đã tử vong.

Tại Kết luận giám định tử thi số 73/KLGĐTT-KTHS ngày 19/4/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh S kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Kết quả giám định:

+ Trên cơ thể nạn nhân có nhiều vết thương.

+ Trong bao gan chứa đầy máu loãng.

+ Mặt trước gan có nhiều vết nứt. Mặt sau thuỳ phải gan bị dập, vỡ hoàn toàn.

- Kết quả xét nghiệm bổ sung, giám định khác: Âm tính (-).

2. Kết luận: Nguyên nhân tử vong: Vỡ gan.

Tại Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTS ngày 20/5/2024 của Hội đồng Định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện T, kết luận: Tại thời điểm định giá ngày 13/4/2024, 01 xe mô tô biển số 83P1-143.53, nhãn hiệu Yamaha, loại JUPITER màu trắng – đen (chi phí sửa chữa) do bị hư hỏng là 5.000.000 đồng.

Vật chứng cơ quan điều tra thu giữ: 01 (một) xe công nông (loại xe tự chế), có hai trục bánh xe, khoảng cách giữa hai trục bánh xe là 2m58 (trục bánh trước dài 1m7, trục bánh sau dài 2m18); có 02 bánh phía trước (đường kính 0,98m) và 02 bánh xe phía sau (bánh đôi, đường kính 1m02), không có biển số, không nhãn hiệu; xe gắn động cơ sử dụng nhiên liệu dầu, thùng chở hàng hóa bằng kim loại kích thước (2,5 x 1,72 x 0,52)m gắn trên thân xe.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T đã ban hành Công văn số 253/ĐTTH ngày 08/5/2024 gửi Sở Giao thông vận tải tỉnh S hỗ trợ kiểm tra, xác minh đối với xe công nông tự chế nêu trên có bắt buộc phải đăng kiểm (đăng ký và kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường) trước khi tham gia giao thông hay không? Để điều khiển phương tiện tham gia giao thông cần giấy phép lái xe hay chứng chỉ gì?

Tại Công văn số 1380/SGTVT-QLVT ngày 05/6/2024 của Sở Giao thông vận tải tỉnh S trả lời có nội dung:

1. Căn cứ Nghị quyết số 32/2007/NQ-CP ngày 29/6/2007 của Chính phủ về một số giải pháp cấp bách nhằm kiềm chế tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông. Theo đó, kể từ ngày 01/01/2008 đình chỉ lưu hành ô tô đã hết niên hạn sử dụng, xe công nông, xe tự chế 3, 4 bánh. Trên cơ sở đó Bộ đã có Công văn số 4642/BGTVT-VT ngày 18/6/2008 về việc thực hiện quản lý xe công nông, xe tự chế 3, 4 bánh theo Nghị quyết số 32/2007/NQ-CP và Nghị quyết số 05/2008/NQ-CP, quy định: "đối với xe công nông (còn được gọi là xe đầu ngang, xe độ chế, xe bục bịch,…) là xe được lắp ráp từ các động cơ điezen một xi lanh và tận dụng các tổng thành ô tô: Cương quyết thực hiện việc đình chỉ lưu hành theo quy định tại Nghị quyết số 32/2007/NQ-CP của Chính phủ; xử lý nghiêm các hành vi điều khiển loại xe này tham gia giao thông trên đường". Do đó, các loại xe tự chế như đã nêu ở trên không được phép đăng ký và không được phép kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường để lưu hành.

2. Điều 58 Luật Giao thông đường bộ năm 2008, quy định điều kiện của người lái xe tham gia giao thông:

"1. Người lái xe tham gia giao thông phải đủ độ tuổi, sức khoẻ quy định tại Điều 60 của Luật này và có giấy phép lái xe phù hợp với loại xe được phép điều khiển do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.".

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T tiếp tục ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 441/QĐ-ĐTTH ngày 30/8/2024 để trưng cầu Chi Cục Đăng kiểm S1 (địa chỉ: Số H đường T, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng) giám định kỹ thuật an toàn phương tiện là xe tự chế nêu trên.

Tại Công văn số 122-CV/CC16 ngày 16/9/2024 của Chi Cục Đăng kiểm S1 trả lời có nội dung:

Theo tài liệu của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T cung cấp đây là loại xe bốn bánh tự chế không được cấp có thẩm quyền phê duyệt cấp phép sản xuất lắp ráp và không được đăng ký cấp biển số và đăng kiểm.

Căn cứ theo Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17/10/2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô. Căn cứ Thông tư số 46/2019/TT-BGTVT ngày 12/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05/7/2019 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô.

Do vậy, chiếc xe nói trên là xe tự chế, tự lắp ráp không được cấp có thẩm quyền phê duyệt cấp phép sản xuất lắp ráp và kiểm tra chứng nhận. Do đó chiếc xe này không đủ điều kiện tham gia giao thông đường bộ.

Tại Bản Cáo trạng số 29/CT-VKSTT ngày 27/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị truy tố bị cáo Võ Văn T về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung 2017) và truy tố bị cáo Trần Văn B về tội "Đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không bảo đảm an

toàn" theo điểm a khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố, phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Võ Văn T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" và tuyên bố bị cáo Trần Văn B phạm tội "Đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không bảo đảm an toàn". Đối với bị cáo Võ Văn T đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo T mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Đối với bị cáo Trần Văn B đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 262, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo B mức án từ 06 tháng đến 01 năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Về hình phạt bổ sung không đề nghị áp dụng đối với cả 02 bị cáo. Về trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét do các bị cáo và đại diện bị hại đã thỏa thuận xong. Về vật chứng đề nghị tuyên bố tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc xe tự chế của bị cáo B đang được thu giữ trong vụ án. Án phí các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Võ Văn T và Trần Văn B đều thống nhất toàn bộ nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện của bị hại ông Quách Chí C xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, về trách nhiệm dân sự các bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 190.000.000 đồng, trong đó bị cáo T bồi thường 110.000.000 đồng và bị cáo B bồi thường 80.000.000 đồng, gia đình bị hại không yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường, tại phiên tòa không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên, cơ quan điều tra và cơ quan Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên toà chỉ có mặt bị cáo Võ Văn T và Trần Văn B, đại diện hợp pháp của bị hại ông Quách Chí C và người làm chứng ông Võ Thanh N2. Những người làm chứng khác được Toà án triệu tập đều vắng mặt không lý do, xét thấy những người vắng mặt đã có lời khai trước đó tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt không cản trở việc xét xử, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn B và Võ Văn T đều thừa nhận vào ngày 13/4/2024 bị cáo B đã giao chiếc xe tự chế (loại xe 04 bánh, có thùng chở hàng phía sau) không đảm bảo an toàn, không đủ điều kiện tham gia giao thông đường bộ và không được phép lưu hành cho bị cáo T để bị cáo T điều khiển xe đến địa phận ấp A, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng để chở đất thuê cho ông Trần Văn Đ. Tuy nhiên, do máy cuốc đất hư hỏng nên không chở đất được nên T điều khiển xe tự chế đem về kho vật liệu xây dựng của bị cáo B để cất giữ. Khi T điều khiển xe đến cầu H do có ô tô đi ngược chiều nên bị cáo T điều khiển xe lùi về phía sau, không có đèn và âm thanh báo hiệu, thiếu chú ý quan sát dẫn đến va chạm vào xe mô tô biển số 83P1-143.53 do bị hại Quách Chí H2 điều khiển, hậu quả làm bị hại tử vong. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện giao thông, biên bản khám nghiệm tử thi, lời khai những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với bị cáo Võ Văn T điều khiển xe 04 bánh tự chế khi lùi xe thiếu chú ý quan sát dẫn đến va chạm gây hậu quả chết người, hành vi của bị cáo khi tham gia giao thông đường bộ đã vi phạm vào quy tắc chung tại Điều 16 và vi phạm điều cấm tại khoản 23 Điều 8 của Luật giao thông đường bộ năm 2008, cụ thể:

"Điều 16. Lùi xe

1. Khi lùi xe, người điều khiển phải quan sát phía sau, có tín hiệu cần thiết và chỉ khi nào thấy không nguy hiểm mới được lùi.

2. Không được lùi xe ở khu vực cấm dừng, trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường, nơi đường bộ giao nhau, đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, nơi tầm nhìn bị che khuất, trong hầm đường bộ, đường cao tốc.".

"Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm

23. Hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, hành vi khác gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ."

Nên từ đó đủ căn cứ xác định bị cáo T đã phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Trần Văn B đã giao chiếc xe tự chế (loại xe 04 bánh, có thùng chở hàng phía sau) không đủ điều kiện tham gia giao thông đường bộ, không được phép lưu hành và không đảm bảo an toàn cho bị cáo T dẫn đến bị cáo T điều khiển gây hậu quả chết người, hành vi của bị cáo B đã vi phạm điều cấm tại khoản 4 Điều 8 của Luật giao thông đường bộ năm 2008, cụ thể:

"Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm

4. Đưa xe cơ giới, xe máy chuyên dùng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.".

Nên đủ căn cứ xác định bị cáo B đã phạm tội "Đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không bảo đảm an toàn" theo điểm a khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung 2017).

Do đó, Cáo trạng số 29/CT-VKSTT ngày 27/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị truy tố các bị cáo theo điều luật đã viện dẫn ở trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo B tuy mức độ nguy hiểm ít hơn nhưng cả 02 bị cáo đều đã xâm phạm đến quy định của Nhà nước về an toàn giao thông đường bộ và gây thiệt hại đến tính mạng của người khác. Các bị cáo thực hiện với lỗi vô ý do cẩu thả. Mặc dù hậu quả làm cho bị hại tử vong các bị cáo không mong muốn, nhưng gia đình bị hại đã mất đi một người thân là nỗi đau không thể nào bù đắp. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và năng lực hành vi nên cần phải có mức hình phạt tương xứng với mức độ cũng như hậu quả các bị cáo gây ra.

[5] Tuy nhiên, khi xem xét hình phạt Hội đồng xét xử có cân nhắc đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo thấy rằng: Cả 02 bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại số tiền 190.000.000 đồng (trong đó bị cáo T bồi thường 110.000.000 đồng và bị cáo B bồi thường 80.000.000 đồng). Riêng bị cáo B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Cả hai bị cáo đều được đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và bị cáo B được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm i, điểm s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng quy định pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù thì các bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo, nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương giáo dục cũng đủ sức răn đe bị cáo; đồng thời cũng thể hiện tính nhân đạo và tính khoan hồng của pháp luật, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo T và B được hưởng án treo, xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã khắc phục cho gia đình bị hại số tiền 190.000.000 đồng, tại phiên tòa đại diện bị hại không yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) xe công nông (loại xe tự chế), có hai trục bánh xe, khoảng cách giữa hai trục bánh xe là 2m58 (trục bánh trước dài 1m7, trục bánh sau dài 2m18); có 02 bánh phía trước (đường kính 0,98m) và 02 bánh xe phía sau (bánh đôi, đường kính 1m02), không có biển số, không nhãn hiệu; xe gắn động cơ sử dụng nhiên liệu dầu, thùng chở hàng hóa bằng kim loại kích thước (2,5 x 1,72 x 0,52)m gắn trên thân xe. Chiếc xe này là phương tiện cấm lưu hành nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự, tuyên bố tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Võ Văn T.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 262, điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Văn B.

Căn cứ Điều 106, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Võ Văn T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Xử phạt bị cáo Võ Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo với thời gian thử thách 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án ngày 07/02/2025.

Giao bị cáo Võ Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Tuyên bố bị cáo Trần Văn B phạm tội "Đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không bảo đảm an toàn".

Xử phạt bị cáo Trần Văn B 01 (một) năm tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo với thời gian thử thách 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án ngày 07/02/2025.

Giao bị cáo Trần Văn B cho Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ

02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét, giải quyết do đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu.

4. Xử lý vật chứng: Tuyên bố tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) xe công nông (loại xe tự chế), có hai trục bánh xe, khoảng cách giữa hai trục bánh xe là 2m58 (trục bánh trước dài 1m7, trục bánh sau dài 2m18); có 02 bánh phía trước (đường kính 0,98m) và 02 bánh xe phía sau (bánh đôi, đường kính 1m02), không có biển số, không nhãn hiệu; xe gắn động cơ sử dụng nhiên liệu dầu, thùng chở hàng hóa bằng kim loại kích thước (2,5 x 1,72 x 0,52)m gắn trên thân xe. Vật chứng do Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị quản lý, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/12/2024.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc các bị cáo Võ Văn T và Trần Văn B mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Công an huyện Thạnh Trị
(Cơ quan điều tra, Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ, CQTHAHS);
- CCTHADS huyện Thạnh Trị;
- Bị cáo; ĐDHPBH;
- Lưu hồ sơ vụ án, hồ sơ THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Nghiệp